TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC**

# BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC MẶT
# THÁNG 8 NĂM 2026
# PHẠM VI: LƯU VỰC SÔNG BẰNG GIANG – KỲ CÙNG

**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO**
**TÀI NGUYÊN NƯỚC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

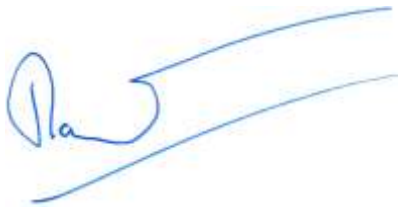

**Đặng Trần Trung**

**NĂM 2026**

**MỤC LỤC**

**CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG ..... 3**
1.1.Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo ..... 3
1.2.Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo ..... 4
**CHƯƠNG II: CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC..... 5**
2.1.Dự báo lượng nước nội sinh..... 5
2.2.Dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng ..... 7
2.3.Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước ..... 8
2.4.Cảnh báo nguồn nước mặt ..... 9
**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ..... 9**

# CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

## 1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước mặt tháng trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp thông tin về dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định pháp luật.

Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là một trong những lưu vực sông lớn ở Việt Nam, bao gồm 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên với tổng diện tích lưu vực là 10.709 $km^2$.

Nội dung chính của Bản tin tháng bao gồm dự báo tổng lượng nước nội sinh, tổng lượng nước có thể khai thác sử dụng và cảnh báo nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông thông qua 14 vùng dự báo: Lưu vực sông Dẻ Dào, lưu vực sông Bắc Vọng, dòng chính sông Hiến, lưu vực sông Minh Khai, dòng chính Bằng Giang đoạn 1, dòng chính Bằng Giang đoạn 2, dòng chính Bằng Giang đoạn 3, lưu vực sông Bắc Khê, lưu vực sông Bắc Giang, lưu vực sông Mo Pia, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3 và dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4.

*Bảng 1. Vị trí dự báo trên các vùng dự báo*

| TT | Vùng dự báo | Ký hiệu | Diện tích ($km^2$) | Phạm vi thuộc tỉnh/TP |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lưu vực sông Dẻ Rào | RR | 695,26 | Cao Bằng |
| 2 | Lưu vực sông Bắc Vọng | BV | 994,60 | Cao Bằng |
| 3 | Dòng chính sông Hiến | SH | 346,00 | Cao Bằng |
| 4 | LVS Minh Khai | MK | 447,00 | Thái Nguyên |
| 5 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 1 | BG1 | 525,58 | Cao Bằng |
| 6 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 2 | BG2 | 221,50 | Cao Bằng |
| 7 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 3 | BG3 | 964,06 | Cao Bằng |
| 8 | Lưu vực sông Bắc Khê | BK | 858,00 | Lạng Sơn |
| 9 | Lưu vực sông Bắc Giang | BG | 2.486,00 | Lạng Sơn và Thái Nguyên |
| 10 | Lưu vực sông Mo Pia | MP | 608,00 | Lạng Sơn |
| 11 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1 | KC1 | 459,00 | Lạng Sơn |
| 12 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2 | KC2 | 1.406,94 | Lạng Sơn |
| 13 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3 | KC3 | 337,91 | Lạng Sơn |

| TT | Vùng dự báo | Ký hiệu | Diện tích (km$^2$) | Phạm vi thuộc tỉnh/TP |
|---|---|---|---|---|
| 14 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4 | KC4 | 359,15 | Lạng Sơn |
| | **Tổng cộng** | | **10.709** | |

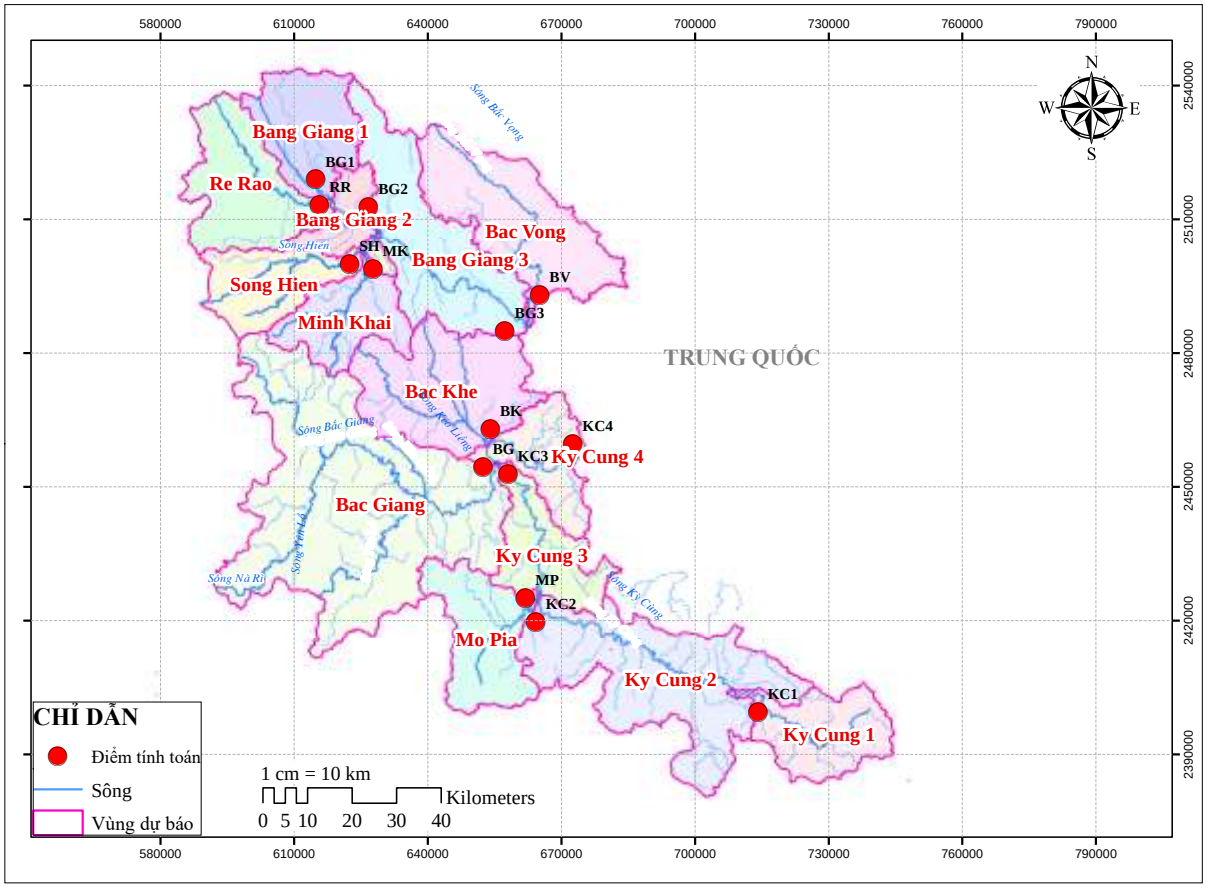


Hình 1.1: Phân vùng dự báo nguồn nước mặt thuộc lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng

## 1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình nhiều năm lưu vực sông Bằng Giang vào loại thấp, dao động khoảng từ 1.400 – 1.750mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại trạm Cao Bằng với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.406mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Nguyên Bình (1.764mm). Lượng mưa trung bình năm lưu vực sông Kỳ Cùng phổ biến từ khoảng 1.200 – 1.600mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại Na Sầm với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.118mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Ngân Sơn (1.611mm).

Tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là 8,2 tỷ m$^3$. Dòng chảy trên lưu vực sông Bằng Giang là 3,89 tỷ m$^3$ chiếm 49,3% tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm, lượng nước trên dòng chính lưu vực sông Kỳ Cùng là 1,8 tỷ m$^3$ chiếm 19,7%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Khê là 0,66 tỷ m$^3$ chiếm 8,2%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Giang là 1,85 tỷ m$^3$ chiếm 22,9 %.

# CHƯƠNG II: CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

## 2.1. Dự báo lượng nước nội sinh

Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng hiện nay thuộc 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên với tổng diện tích là 10.709 $km^2$. Lưu vực sông được chia thành 14 vùng dự báo.

Căn cứ theo số liệu dự báo mưa từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia kết hợp với dữ liệu vệ tinh. Chúng tôi đã tiến hành tính toán, dự báo tổng lượng nước nội sinh đến 14 vùng thuộc lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng với kết quả từ 1,5 đến 1,9 tỷ $m^3$.

*Bảng 2. Dự báo tổng lượng nước nội sinh trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng*

| TT | Vùng dự báo | Tổng lượng nước dự báo (triệu $m^3$) | |
|---|---|---|---|
| | | Từ | Đến |
| 1 | Lưu vực sông Dẻ Rào | 117,4 | 143,5 |
| 2 | Lưu vực sông Bắc Vọng | 170,3 | 208,1 |
| 3 | Dòng chính sông Hiến | 72,6 | 88,8 |
| 4 | LVS Minh Khai | 64,2 | 78,5 |
| 5 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Dẻ Rào | 109,7 | 134,0 |
| 6 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Dẻ Dào đến trước nhập lưu sông Hiến | 32,3 | 39,5 |
| 7 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ | 170,4 | 208,3 |
| 8 | Lưu vực sông Bắc Khê | 121,2 | 148,1 |
| 9 | Lưu vực sông Bắc Giang | 343,7 | 420,1 |
| 10 | Lưu vực sông Mo Pia | 67,1 | 82,0 |
| 11 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải | 57,2 | 69,9 |
| 12 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mo Pia | 141,2 | 172,6 |
| 13 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mo Pia đến trước nhập lưu sông Bắc Giang | 40,6 | 49,6 |
| 14 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ | 47,8 | 58,5 |

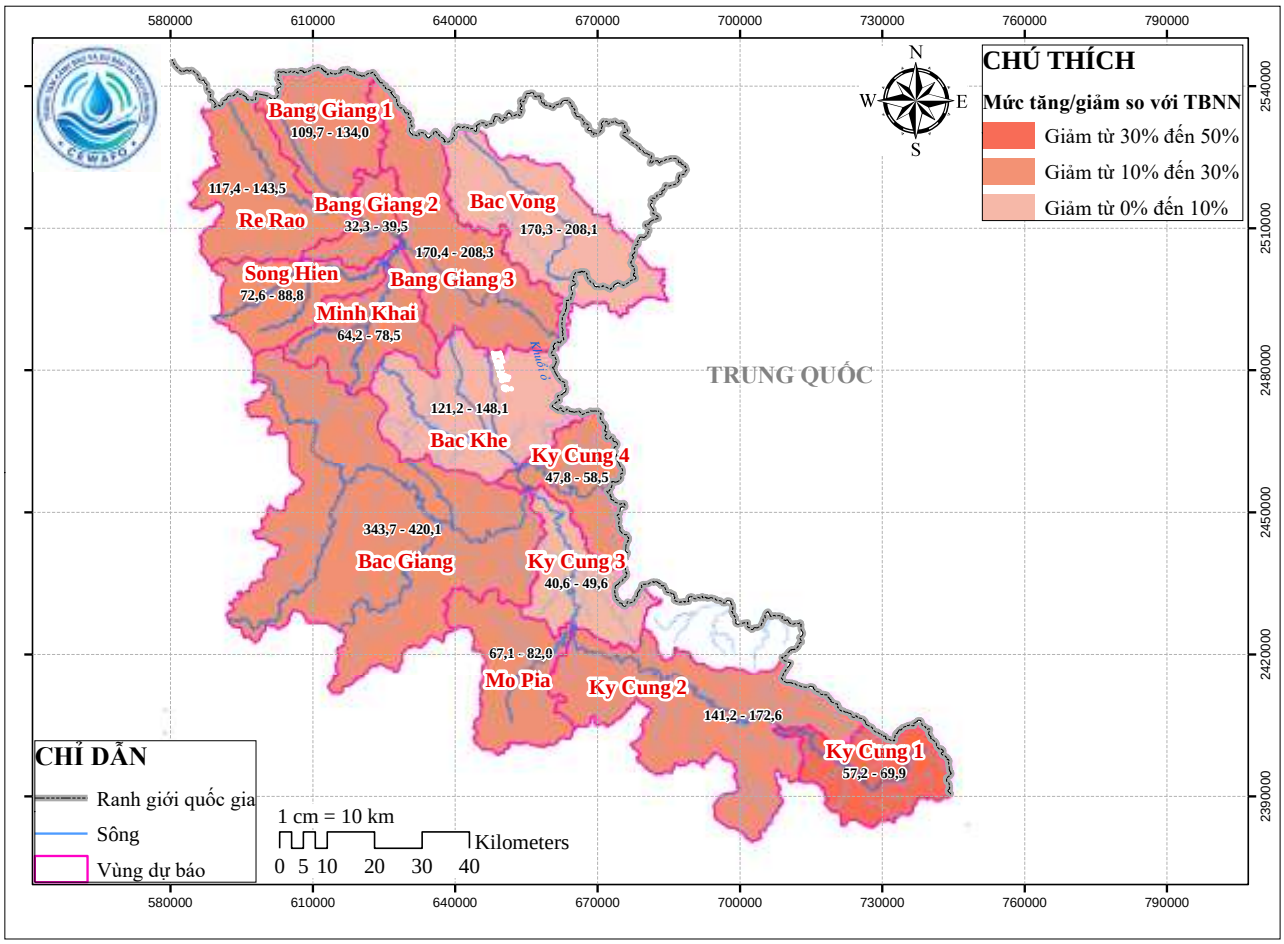


Hình 2.1: Dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo

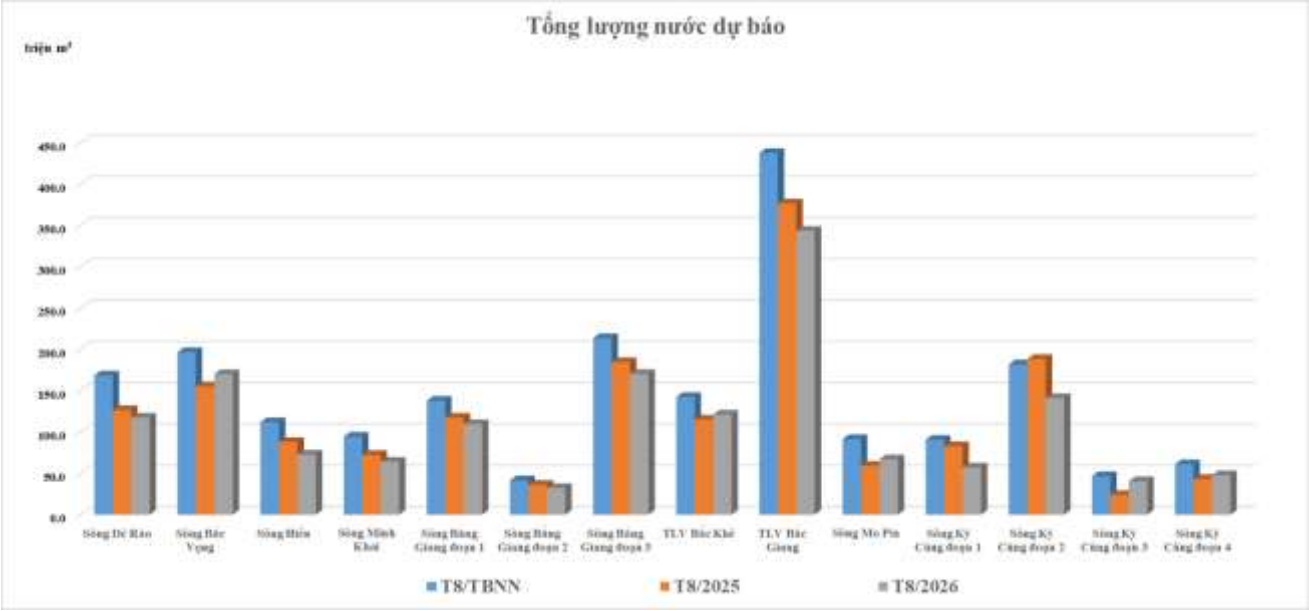


Hình 2.2: Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh dự báo tại các vùng dự báo trong tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN

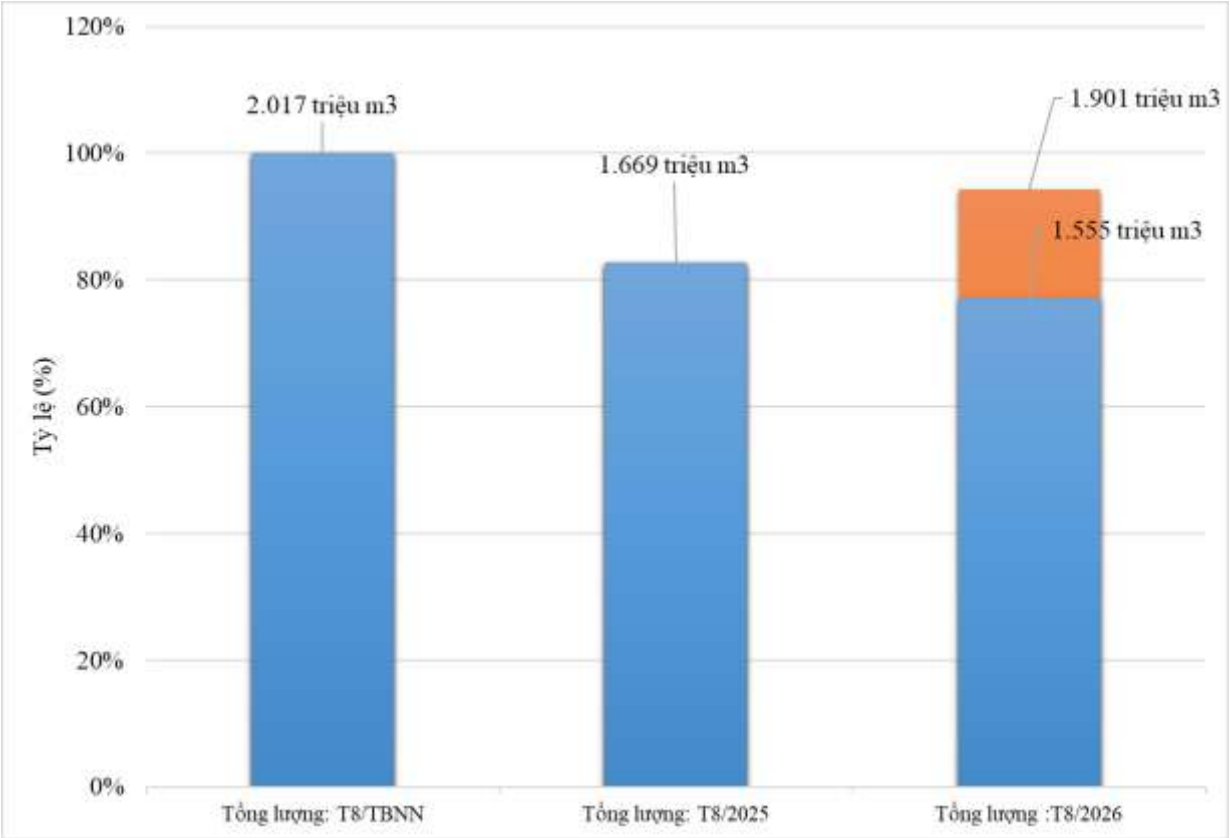


Hình 2.3: Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh toàn lưu vực trong tháng 8/2026 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN

## 2.2. Dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng

Dựa trên kết quả dự báo tổng lượng nước đến 14 vùng dự báo, tiến hành dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng tại 14 vùng trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng . Cụ thể như sau:

*Bảng 3. Dự báo tổng lượng có thể khai thác sử dụng trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng*

| TT | Vùng dự báo | Sông | Lượng nước mặt có thể khai thác sử dụng (triệu $m^3$) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Từ | Đến |
| 1 | Lưu vực sông Dẻ Rào | Dẻ Rào | 117,4 | 143.5 |
| 2 | Lưu vực sông Bắc Vọng | Bắc Vọng | 170,3 | 208.1 |
| 3 | Dòng chính sông Hiến | Hiến | 72,6 | 88.8 |
| 4 | LVS Minh Khai | Minh Khai | 64,2 | 78.5 |
| 5 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Dẻ Rào | Bằng Giang | 109,7 | 134.0 |
| 6 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Dẻ Dào đến trước nhập lưu sông Hiến | Bằng Giang | 32,3 | 39.5 |

| TT | Vùng dự báo | Sông | Lượng nước mặt có thể khai thác sử dụng (triệu $m^3$) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Từ | Đến |
| 7 | Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ | Bằng Giang | 170,4 | 208.3 |
| 8 | Lưu vực sông Bắc Khê | Bắc Khê | 121,2 | 148.1 |
| 9 | Lưu vực sông Bắc Giang | Bắc Giang | 343,7 | 420.1 |
| 10 | Lưu vực sông Mo Pia | Mo Pia | 67,1 | 82.0 |
| 11 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải | Kỳ Cùng | 57,2 | 69.9 |
| 12 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mo Pia | Kỳ Cùng | 141,2 | 172.6 |
| 13 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mo Pia đến trước nhập lưu sông Bắc Giang | Kỳ Cùng | 40,6 | 49.6 |
| 14 | Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ | Kỳ Cùng | 47,8 | 58.5 |
| **Tổng** | | | 1,555.7 | 1,901.4 |

## 2.3. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước

Tháng 8 năm 2026 trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng tổng lượng nước mặt dự báo dao động 1,5 đến 1,9 tỷ $m^3$, thấp hơn 15,5% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Cụ thể tại các vùng dự báo như sau:

Vùng Lưu vực sông Dẻ Rào: Có xu thế thấp hơn khoảng 3,1% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 22,6% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Vọng: Có xu thế cao hơn khoảng 21,9 % so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 3,9% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Hiến: Có xu thế thấp hơn khoảng 8,2 % so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 27,9 % so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Minh Khai: Có xu thế thấp hơn khoảng 1,2% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 24,4% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bằng Giang đoạn 1: Có xu thế cao hơn khoảng 3,8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 11,7% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bằng Giang đoạn 2: Có xu thế thấp hơn khoảng 0,4% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 13,7% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bằng Giang đoạn 3: Có xu thế cao hơn khoảng 2,6% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 11,4% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Khê: Có xu thế cao hơn khoảng 17,0% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 5,4% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Giang: Có xu thế cao hơn khoảng 1,4% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 12,8% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Mo Pia: Có xu thế cao hơn khoảng 25,9% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 18,6% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 1: Có xu thế thấp hơn khoảng 23,4% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 29,9% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 2: Có xu thế thấp hơn khoảng 16,8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 13,7% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 3: Có xu thế cao hơn khoảng 90,3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 3,3% so với tháng 8 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 4: Có xu thế cao hơn khoảng 23,4% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 13% so với tháng 8 TBNN.

### 2.4. Cảnh báo nguồn nước mặt

Theo kết quả dự báo trong tháng 8, trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng ở trạng thái bình thường, không xảy ra hiện tượng thiếu nước tại các tiểu vùng.

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong tháng 8 tổng lượng nước mặt nội sinh dự báo trên phạm vi các tiểu lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có xu hướng giảm với kết quả dự báo từ 1,5 đến 1,9 tỷ $m^3$, thấp hơn 15,5% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

Căn cứ trên nhu cầu tháng của các tiểu vùng và đối chiếu kết quả dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng có thể thấy rằng, trong tháng 8 toàn bộ các tiểu lưu vực không bị thiếu nước. Tại các tiểu lưu vực này, việc điều hòa phân phối nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong phải tuân thủ theo thứ tự ưu tiên tại Khoản 1, Điều 35 của Luật Tài nguyên nước 2023.

*Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:*

*Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.*

*Địa chỉ: số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, P. Nghĩa Đô, Hà Nội.*

*Email: ttqhdttnnqg_bktth@mae.gov.vn*

*Bản tin được phát hành vào ngày 03 tháng 8 năm 2026 và đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn*